

Nữ tu Nguyễn Thị Hậu (1814 – 1841)

Chị T. kính mến,

Vài vị nghiên cứu về giáo sử Việt Nam nói rằng nữ tu dòng Mến Thánh Giá được phúc tử đạo đầu tiên là chị Maria Mađalêna Hậu.

Vậy chị Maria Mađalêna Hậu là ai ?

Chị là một nữ tu Mến Thánh Giá ở làng Nhu Lý, tỉnh Quảng Trị, qua đời ngày 29 tháng Giêng năm 1841 tại nhà dòng Phủ Cam, Huế, lúc mới 27 tuổi xuân.

Phần tôi, tôi đã cố gắng sưu tập được một số tài liệu « đầu tay » liên quan về chị Hậu. « Tài liệu đầu tay » là tài liệu gốc, không còn tài liệu nào căn bản hơn nữa. Nơi đây, « tài liệu đầu tay » là lời của những chứng nhân trực tiếp, mà từ đó người ta suy diễn rồi tổng hợp thành câu chuyện có đầu có đuôi hầu kể ra cho người khác nghe. Cái may mắn khi có được « tài liệu đầu tay » như thế là thoát khỏi nạn « tam sao thất bả » và không quá thụ động khi nghe hoặc khi đọc người khác.

Với khả năng và thời giờ có được, tôi đã cố gắng đọc kỹ, đã cân nhắc, so sánh, đối chiếu và kiểm chứng những tài liệu này. Nay, tôi xin kể sơ lược cho chị nghe câu chuyện tử đạo của chị nữ tu dòng Mến Thánh Giá ấy như sau.

Tình hình chung tại Nhu Lý và vùng phụ cận vào những năm 1830-1840 :

Tháng Chạp năm 1819, người con thứ tư của vua Gia Long tên Nguyễn Phúc Đởm lên ngôi vua lấy niên hiệu là Minh Mệnh. Thân mẫu của vua Minh Mệnh là vợ thứ hai của vua Gia Long, người huyện Hương Trà. Vua Minh Mệnh lên ngôi lúc 30 tuổi và trị vì được 21 năm thì qua đời vào tháng Chạp năm Canh Tí, để lại rất đông con cái : « Số liệu chính xác về con của Minh Mệnh là 78 hoàng nam, 64 hoàng nữ, tổng cộng 142 người. »¹

Vua Minh Mệnh là người trí thông minh, nhưng tâm ác độc. Cái trí thông minh của nhà vua là trí thông minh của người theo nho học, thường mang cái nhìn thiên về quá khứ và bảo thủ hơn là biết nhận xét hiện tại mà chuẩn bị tương lai. Và cái ác độc bẩm sinh của nhà vua thì đối với mọi người, chẳng trừ ai, kể cả đối với thân bằng quyền thuộc. Đặc biệt, vua rất ghét bỏ đạo Công giáo. Hơn tám năm cuối đời mình, vua khiến bách hại người Công giáo không thương xót, chính tay vua đã ký gần 150 bản án tử đạo². Trong số 117 vị tử đạo tại Việt Nam đã được Giáo Hội tôn phong hiển thánh thì tới 58 vị chịu chết dưới triều đại vua Minh Mệnh.

¹ Theo Quỳnh Cư và Đỗ Đức Hùng, « Các triều đại Việt Nam », nhà xuất bản Thanh Niên, in lần thứ 2, 1995, trang 318.

² Thư của Đức cha Lefebvre ngày 25/5/1841 : Amep., tập 749, trang 34. (Amep. : Kho Thư Văn của Hội Thừa sai Paris).

Tuy nhiên vào thời kỳ khó khăn này, Quảng Trị quê hương của chị Hậu lại là nơi đạo Công giáo phát triển hơn hẳn các nơi khác trong giáo phận Đàng Trong. Qua bản phúc trình về Thánh bộ Truyền Giáo năm 1841, Đức cha Cuenot Thê cho biết số giáo hữu trong các tỉnh là³ :

- Tại Quảng Bình	4.000 giáo hữu
- Tại Quảng Trị	15.000 giáo hữu
- Tại Huế	5.000 giáo hữu
- Tại Quảng Nam	4.000 giáo hữu
- Tại Quảng Ngãi	4.000 giáo hữu
- Tại Bình Định	8.000 giáo hữu
- Tại Phú Yên	6.000 giáo hữu
- Tại Khánh Hoà và Bình Thuận	2.000 giáo hữu

Xem những con số trên, chúng ta thấy Quảng Trị vượt xa các nơi khác, kể cả Qui Nhơn là nơi có tòa giám mục đại diện Tòa Thánh (tức Giám quản tông tòa).

Tại Quảng Trị có làng Nhu Lý là xứ đạo toàn tòng Công giáo đã từng được các giám mục khen ngợi như Đức cha Longer Gia, Đức cha Labartette, Đức cha Cuenot Thê. Tại đây, cộng đoàn nữ tu Mến Thánh Giá được Đức cha Labartette thành lập nên, có lẽ từ những năm cuối thế kỷ thứ 18.⁴

Vào năm 1831, linh mục thừa sai trẻ 32 tuổi, cha Gilles Delamotte (tên Việt là Y), mới từ Pháp đến Quảng Trị. Ngài ở tại chủng viện Phượng Ru (An Ninh) học tiếng Việt vài tháng trời, sau đó sang định cư bên làng Nhu Lý, ở nhà dòng các chị Mến Thánh Giá. Ngài là một trong những thừa sai hăng lưu tâm cung cố và xây dựng các cộng đoàn nữ tu.

Nói về các nhà dòng nữ này, trong thời kỳ bách đạo, hễ có biến là các nữ tu lại giải tán về nhà cha mẹ hoặc người quen, chỉ còn lại trong dòng một hai chị em lớn tuổi và là người địa phương để trông nhà mà thôi. Lúc ở Nhu Lý, cha đáng kính Delamotte Y có nói : « Tất cả những nhà các nữ tu (trong vùng đó) đều đã phân tán. Các nữ tu quay trở lại nhà cha mẹ mình. Chỉ còn một vài chị cứng rắn nhất và là người dân làng thì ở lại trong dòng để trông coi nhà cửa. Duy có các nữ tu Nhu Lý là nơi tôi đã ở từ khá lâu nay thì còn đứng vững ở trụ sở, bởi vì có tôi ở đây ; chẳng vậy, chắc các chị cũng sẽ sớm như những chị em khác thôi. »⁵

Cha đáng kính Delamotte Y ở Nhu Lý, nhưng ngài cũng chăm sóc các nhà dòng khác trong vùng : ngài xây dựng lại nhà dòng Di Loan (vùng An Ninh) bị tàn phá trong cơn bách đạo trước đây, theo dõi sinh hoạt dòng Kẻ Bàng (Quảng Bình)... Lúc ngài vào tù rồi (1840), ngài còn viết nhẫn tin cho Đức cha Cuenot Thê về chuyện ba chị nữ tu Kẻ Bàng có đời sống hơi buông thả, cần được nhắc nhở lại.⁶

Sự hiện diện thường trực của ngài như vậy thực là một may mắn lớn cho các nữ tu ở cộng đoàn Nhu Lý. Tại đây, khi ngài đến vào quãng năm 1831-1832, giữa các nữ tu có một chị nữ tu trẻ tuổi tên Maria Mađalêna Nguyễn Thị Hậu, người sẽ được ơn phúc tử đạo sau này.

³ Amep., tập 749, trang 475.

⁴ Dựa theo Lm Stanilaô Nguyễn văn Ngọc : « Lịch sử dòng Mến Thánh giá địa phận Huế ». Xem thêm thư của cha Labartette gửi linh mục Boiret, ngày 06/01/1791 trong « Nouvelles Lettres Edifiantes... », tập 8, Paris, 1823, trang 381-383.

⁵ Thư gửi một người bạn, ngày 19/12/1832 : Amep., tập 748, trang 85-86.

⁶ Thư ngày 02/12/1840 : xem phần « Tài liệu căn bản » (Tài liệu số 3).

Nữ tu Maria Magdalena Nguyễn Thị Hậu tại Nhu Lý :

Dựa theo lời khai của chính chị Hậu khi các quan lập án thì chị sinh năm Giáp Tuất tại làng Nhu Lý, tức năm 1814 theo dương lịch.⁷

Và theo lời Đức cha Cuenot Thê thì chị có một người em gái sinh đôi.⁸ Chị cũng có một người em trai, mà lúc chị bị bắt (năm 1839), đang ở chung viện với Đức cha Lefebvre Ngãi (khi đó ngài chưa lên làm giám mục).⁹

Chúng ta tiếc là không biết gì về hai đấng sinh thành của chị. Trong lời chị khai trước mặt các quan, chị cho biết là vì cả cha và mẹ của chị đều đã qua đời nên chị đến sống trong nhà người cậu của chị là Thánh Simon Phan Đắc Hoà đang làm nghề lương y. Còn theo tường thuật của Đức cha Cuenot Thê, chị và người em song sinh của chị sống trong nhà dòng Mến Thánh Giá tại Nhu Lý từ khi còn tám bé ; cả hai chị em đều được tiếng là rất chuyên chăm trong đời sống nữ tu.

Ở đây có một vấn đề cần được giải thích rõ hơn : chị ở nhà Thánh Simon Phan Đắc Hoà hay ở nhà dòng Nhu Lý ?

Thực sự, « nhà Thánh Simon Phan Đắc Hoà » hay « nhà dòng Nhu Lý » cũng chỉ là một, vì :

- Cho tới lúc này, có lẽ triều đình chưa hoàn toàn ý thức được nhà dòng nữ tu Công giáo là gì và nhất là vai trò nữ tu ra sao trong Giáo Hội Việt Nam lúc đó ; biết rằng mãi về sau này, vào thời vua Tự Đức, mới chính thức có chiếu chỉ bách hại các nữ tu Mến Thánh Giá (chiếu chỉ tháng Bảy năm 1860).
- Còn các chị nữ tu, phần vì đời sống lâm lũ cũng như mọi người dân thường và phần vì không mang tu phục hoàn toàn đặc biệt khác với mọi phụ nữ chung quanh, nên ngoài giới giáo hữu ra, kể là khó nhận diện được các chị là nữ tu. Một chút phân biệt về « tu phục » như cha đáng kính Delamotte có nhắc đến khi nói về ba nữ tu ở Kẻ Bàng, thì xem ra còn quá nhỏ nhoi không có gì lôi kéo sự chú ý của người đời : « Hai mặc áo đen, một chưa mặc ».¹⁰
- Mặt khác, vì tránh gây rộng ra việc bắt hại, không ai trong những kẻ bị bắt đã khai « nhà dòng » các chị ra, chỉ nói là « nhà người cô của lương y Hoà », tức nhà mụ Khiêm mà thôi.
- Hơn nữa, bà bồ trên nhà dòng Nhu Lý lại là người cô của Thánh Hoà, được gọi với danh hiệu kính mến trong làng xóm thời đó là « mụ Khiêm ».
- Cha Delamotte khi sống tại Nhu Lý thì cũng chẳng hề nói ở nơi nào khác hơn là nhà dòng các chị Mến Thánh Giá.

Ban đầu, cha đáng kính Delamotte sống khá bình yên tại Nhu Lý cho đến khi chiếu chỉ Minh Mệnh cấm đạo được ban ra vào ngày 06/1/1833. Lúc đó, ngài liền lo chuẩn bị các giáo

⁷ Amep., tập 748, trang 1376 : « Elle a déclaré être née l'année Giáp Tuất, et être âgée de 27 ans ; elle est native du village de Nhu-Lý ». Về tuổi, chúng ta phải lưu ý phân biệt cách tính tuổi theo kiểu Việt Nam và theo kiểu Tây phương. Do đó, khi quan lập án vào năm 1840, chị Hậu được 27 tuổi theo kiểu Việt Nam, hay 26 tuổi theo kiểu Tây phương.

⁸ « Elle et sa sœur jumelle sont chez les Religieuses depuis leur enfance » (Chị và người em gái song sinh của chị ở nhà các nữ tu từ khi còn nhỏ) : Amep., tập 749, trang 871 (Tài liệu số 18). Chúng ta rất tiếc là chữ tiếng Pháp « sœur » và « frère » không giúp chúng ta xác định được rõ ràng là « chị gái hay em gái », là « em trai hay anh trai ».

⁹ Thư Đc. Lefebvre gửi cha Regereau : « Parmi ces généreux confesseurs de la foi, une religieuse Amante de la Croix est une des Sœurs d'un de nos élèves » (Trong số những anh hùng tuyên xưng đức tin ấy, một nữ tu Mến Thánh Giá là một trong các chị của một trong các học sinh của chúng tôi) : Amep., tập 749, trang 11 (Tài liệu số 4).

¹⁰ « Deux ont mặc áo đen, une chưa mặc » : Amep., tập 749, trang 623 (Tài liệu số 3).

hữu Nhu Lý đương đầu với cơn bách đạo có thể xảy đến lúc nào không hay. Ngài viết thư về Pháp kể chuyện cho cha mẹ ngài rằng : « Dù con mới chỉ tập sự nói tiếng ở đây (vì con mới học được 8 tháng thôi), con đã cất nghĩa cho giáo dân, theo khả năng con có thể, về ân sủng và việc cao cả trong sự tử đạo. Con sai một thày giảng và một quí chức bậc nhất trong xứ đạo đến nhà các giáo dân mà giải thích cho họ những điều ấy và thế nào là trọng tội chối đạo và chối bỏ Chúa Giêsu... ».

Với một thừa sai như vậy, chị Maria Mađalêna Hậu cũng như các chị nữ tu Mến Thánh Giá tại Nhu Lý đương nhiên được ngài chỉ bảo và được ngài hướng dẫn nhiều trong đời sống đạo và đời tu trì.

Thời gian sau đó, cha đáng kính Delamotte phải bỏ Nhu Lý lánh nạn bên Dương Sơn, rồi Nhu Lâm, sau cùng thì trở lại Nhu Lý. Ngài viết trong thư ngày 10/2/1833 tại Dương Sơn, gửi về Chủng Viện Paris rằng : « Mọi kẻ ngoại giáo ở các làng chung quanh đều biết tôi ở Nhu Lý và chỉ chờ dịp tốt để bắt tôi, bởi vậy tôi phải rời khỏi nơi có đạo này ; và không biết ẩn mình nơi nào, tôi lại trở về trong miệng súng ca-nông (dans la gueule du canon) ».¹¹

Trở lại Nhu Lý, lòng nhiệt thành của ngài không thể để ngài im lặng mà không làm việc mở mang Nước Chúa. Riêng trong năm 1835, ngài đã giải tội được 1.136 lần, cho rước lễ 1.068 lần.¹² Với một sinh hoạt như vậy, đương nhiên nhiều người biết đến ngài, kể cả các kẻ bên lương trong vùng ấy.

Năm 1837, thừa sai Candalh Kim bị lùng bắt : quan và quân triều đình kéo đến ngập làng An Ninh và Di Loan. Cha Candalh Kim chạy trốn được, nhưng sau đó bị bệnh mà chết trong rừng núi Quǎng Trị. Cha Delamotte, một lần nữa, phải bỏ Nhu Lý mà ra đi.

Chẳng được bao lâu, ngài lại phải trở về Nhu Lý.

Chính vào thời kỳ gay cấn này, Thánh Simon Hoà là người thế giá tại Nhu Lý đã viết cho Đức cha Cuenot Thể đang ở Qui Nhơn, ngày 20/10/1839, những lời lẽ như sau :

« ... Từ chiều chỉ cấm đạo ngày 28 tháng Tám âm lịch, dân làng làm con bận tâm lầm và gây cho con trăm ngàn chuyện phức tạp ; chỉ có duy ông lý trưởng là thuận tình giúp đỡ con !... Điều khiến con buồn phiền luôn là nghĩ rằng khi con bị bắt và con không còn có thể lo cho Cha ấy nữa (tức cha Delamotte Y), thì tất cả mọi người sẽ bỏ rơi ngài. Đó là chuyện quá chắc chắn. Tuy vậy, con không thể nào bắt chước thiêng hạ mà lại không bắt tòng phục Thiên Chúa, nếu con bỏ rơi Cha ấy... ».¹³

Cha đáng kính Delamotte trở lại Nhu Lý, sống ẩn kín trong nhà dòng Mến Thánh Giá tại đây. Bên trên nhà dòng lúc đó là bà Phan Thị Khiêm (hay mụ Khiêm), như đã trình bày ở trên. Nữ tu được chỉ định để săn sóc cha là chính chị Maria Mađalêna Hậu. Bên cạnh chị, cha còn một người học trò giúp việc thư ký cho cha tên là chú Điền, con trai của ông Gioan Baotixita Trang. Chú đã là người Nhà Đức Chúa Trời, quãng 15 tuổi.

(Khi cha Delamotte bị bắt, chú Điền đang ở nhà mình đã trốn đi được. Quan không bắt được chú nên đã khiến bắt thân phụ của chú thay vào chỗ của chú, tức ông Gioan Baotixita Trang mà tên trên giấy tờ là Nguyễn Công Nghiêm. Ông Trang từ trần trong nhà tù Trần Phú ngày 30/9/1840).

¹¹ Thư ngày 10/2/1833 : Amep., tập 748, trang 125. – Vì triều đình hứa thưởng công cho ai bắt nộp các « đạo trưởng », nên những người dân tầm thường này tìm tiền hơn tìm ăn ở phúc hậu theo nhân đạo của cha ông để lai.

¹² Launay A. : « Les cinquante-deux serviteurs de Dieu... », tập 2, Téqui, Paris, 1893, trang 81.

¹³ Launay A. : « Les cinquante-deux serviteurs de Dieu... », tập 2, Téqui, Paris, 1893, trang 70.

Theo bản cung do các quan Bộ Hình lập, Thánh Simon Phan Đắc Hoà đã khai « mụ Khiêm » nơi cha Delamotte Y trốn ẩn là cô của ngài và chị Hậu là cháu ruột mà Thánh nhân đã sai sang phục vụ cha Delamotte. Chị Hậu cũng khai như thế trước các quan. Sau này, vài tác giả viết sách vẫn xem chị Hậu là cháu của Thánh Simon Phan Đắc Hoà. Nhưng chị Hậu thực sự có phải là cháu gọi Thánh Phan Đắc Hoà bằng cậu hay không ? Điều này, tôi không dám khẳng định vì có một chứng từ của Đức cha Lefebvre Ngãi để lại như sau : « Maria Vững là em gái của Philiphê Phê, nhưng duy nhất trong Chúa Giêsu Kitô mà thôi. Mađalêna Hậu là cháu gái của Emmanuel Hoà cũng theo danh nghĩa đó ; tuy nhiên điều rất thực là cả hai phụ nữ đều ở trên thuyền vào lúc bị bắt vì những nguyên do đã kê khai trong tờ trình án, nghĩa là : Maria Vững là chủ nhân chiếc thuyền, và Mađalêna Hậu đã được chỉ định mang hành lý của cha Delamotte trong thuyền. Hai nam tín hữu (ông Phê và Thánh Hoà) đã khai họ là em gái và cháu gái mình để tránh mọi nghi ngờ xấu xa. »¹⁴

Nữ tu Maria Mađalêna Nguyên Thị Hậu bị bắt :

Vào năm 1839, vì tình hình trở nên hoàn toàn bất an cho cha đáng kính Delamotte Y, Thánh Simon Hoà phải tính đến chuyện đem cha đi trốn sang nơi khác. Thánh nhân (mà người thời đó gọi là « Thày Hoà » vì nghề nghiệp lương y của ngài) sắp đặt đưa cha sang làng An Ninh không xa Nhu Lý lăm về phía Bắc, bằng đường sông vào ban đêm. Nhưng khi đò đang trên đường đi thì bị quan quân chặn xét, cha Delamotte nhảy lên bờ chạy trốn mà bị kẻ ngoại giá chận bắt giữ.

Đêm đó là đêm ngày 12 rạng 13 tháng Tư năm 1839.

Khi trình sự vụ lên vua Minh Mệnh, các quan Bộ Hình của triều đình cho biết : « ... Theo tờ trình của hai xã Lại Mông và Lượng Kim kể lại : bọn họ ban đêm đi tuần, đến bờ sông thì thấy một chiếc thuyền nhỏ đang chèo đi, bèn kêu lại hỏi, liền thấy trong thuyền ấy một người đàn ông bước lên bờ chạy trốn. Tuần phủ nghi đó là người gian, lập tức đuổi bắt và đánh trúng đầu y ; y ngã xuống và bị bắt. Sau đó, trở lại lục soát thuyền, trong thuyền lúc bấy giờ có bốn người, cả đàn ông và đàn bà. Tra hỏi thì biết đó là tên Hoà và thị Hậu cư trú ở xã Nhu Lý trong tổng ấy ; tên Truật, thị Vững cư trú ở phường An Ninh, huyện Minh Linh ; người đàn ông lạ mặt xưng là Tây Dương Gia Tô đạo trưởng. Y có mang theo sách kinh, đồ đạo và ảnh Thập Tự. Tất cả đã được giải nộp lên tỉnh... ».¹⁵ Sau một thời gian tạm giam tại Quảng Trị, những kẻ bị bắt đêm đó được giải về giam trong ngục Trấn Phủ tại kinh đô Huế.

Đúng ra, nói như người đời thường, thì chị nữ tu làng Nhu Lý không đến nỗi phải chịu bắt bớ và nambi tù Trấn Phủ ; nhưng có lẽ Thiên Chúa đã thúc đẩy lòng chị một cách khác.

Theo lá thư mà sau này Đức cha Cuenot Thể viết cho Chủng Viện Paris ngày 9/8/1843, ngài cho biết : « Dì Maria-Mađalêna Hậu người Nhu Lý, họ hàng với lang y Simon, đã muốn xuống thuyền trái với ý của cha Delamotte, để vừa giúp đỡ trong khi đi đường vừa che giấu kỹ hơn bước đi của vị thừa sai. » Cũng trong thư trên, Đức cha còn viết rõ hơn ở đoạn sau rằng : « Chị nữ tu ấy đã xuống thuyền tựa như trái với ý cha Delamotte. Vì thừa sai đồng nghiệp ấy nhận ra chị trong số những người đi theo mình ra chỗ thuyền đậu, đã quay lại tới ba lần mà ra dấu cho chị không được theo ngài và phải trở về. »¹⁶

¹⁴ Amep., tập 748, trang 1387, (Tài liệu số 7, phần « Notes relatives... (5) »).

¹⁵ Bản dịch tiếng Hán, (Tài liệu số 5).

¹⁶ Amep., tập 749, trang 864 và trang 871, (Tài liệu số 18). Chữ tiếng Pháp « sœur » được dịch là « dì », không dịch là « xơ, sơ » vì nguồn gốc tiếng « xơ, sơ » có liên quan tới thời bảo hộ của Pháp tại Việt Nam. Mặt khác, thời Giáo Hội Việt Nam sơ khai, không ai gọi các nữ tu là « xơ, sơ » cả, nhưng là « dì ». Hình như từ « xơ, sơ »

Chị đã nhất định đi theo, rồi thuyền bị chặn bắt lại.

Và khi quan quân « trở lại lục soát thuyền, trong thuyền lúc bấy giờ có » ít nhất là bảy người chứ không chỉ là « bốn người, cả đàn ông và đàn bà », như trong bản phúc trình các quan đã lập. Bảy người này là Thánh Hoà, chị Hậu, ông Truật, bà Vững và ba người chèo thuyền. Nhưng nhờ đút lót tiền bạc, quan quân đã để cho ba người chèo thuyền ra đi. Họ cũng thuận cho hai người phụ nữ là bà Vững và chị Hậu được trốn thoát, nhưng cả hai đều muối ở lại để chịu đau khổ vì đạo cùng với cha đáng kính Delamotte.

Như vậy, thật rõ là chị nữ tu Hậu không hề ngại gian khổ, một lòng muốn giúp đỡ vị thừa sai Delamotte đến cùng và sẵn sàng hy sinh vì đức tin.

Chuyện này cũng cho thấy các quan lại đã tham lam tiền bạc như thế nào, đã mưu mô xảo trá và lừa gạt đến cả vua Minh Mệnh như thế nào qua tờ phúc trình trên giấy trắng mực đen của các quan (bằng tiếng Hán, còn lưu giữ được). Trong truyền thống đạo Khổng, vua được xem như « Thiên Tử » (Con Trời), kẻ hiền phải giữ lòng trung với vua theo lý tưởng « trung thần bất khả nhị quân » ; nhưng ở đây, hãy xem quả để biết cây.

Khi con thuyền bị chặn bắt, chị Hậu đã mau mắn rất nhiều đồ đạc đem theo xuống nước. Cha đáng kính Delamotte Y làm chứng trong lá thư của ngài gửi Đức cha Cuenot Thể : « Đồ đạc mà người ta lấy của con thì chỉ có cái túi nhỏ để đem Của Ăn Đàng cho người bệnh... Khi người ta chặn bắt con thuyền thì hình như dù Hậu đã ném xuống sông rất nhiều thứ : kinh nguyện, sách vở, thư từ, giấy má, dao cạo râu của con, vân vân ; hình như dù cũng quăng cả cái hộp đựng các Dầu Thánh của con nữa. Con còn thích dù ấy ném đi như thế hơn là để rơi vào tay đám quan lại kéo bị xúc phạm, gây cớ ra muôn điều vu khống mỉa mai chống đạo, và ép con cả hằng nghìn thứ tra vấn rất phiền phức, và có thể còn tra khảo con bằng những cực hình để tìm cho ra được những vu oan và những sự chẳng hề có... ».¹⁷

Đêm ngày 12 rạng 13 tháng Tư năm 1839, cha đáng kính Delamotte Y, nữ tu Hậu cùng các vị tùy tùng bị bắt, rồi sau thì bị giải về giam tại nhà tù Trần Phủ ở Huế. Ở đây, một điểm nhỏ cũng đáng lưu ý là mãi đến ngày 01/3/1840, tức gần một năm sau, Đức cha Cuenot Thể là giám quản tông toà lúc đó của giáo phận Đàng Trong mới có thư báo cho Chủng Viện Hội Thừa Sai Paris hay tin. Lá thư này đã được đăng trên tờ báo « Annales de la Propagation de la Foi » (số 13, phát hành tại thành phố Lyon, nước Pháp, năm 1841).¹⁸ Ngài viết : « Tôi đau đớn báo tin cho quý vị rằng cha Delamotte đã bị bắt... ». (Trong lá thư này, Đức cha Cuenot Thể chưa nấm rõ hoàn toàn chi tiết nên còn một số tin tức sai lầm. Và vì tờ báo này, một số tác giả vẫn bị nhầm lẫn trong chuyện chị Hậu).

Rồi mãi đến ngày 01/8/1840, cha đáng kính Delamotte Y mới có thể lén biên thư từ trong tù ra Đức cha Cuenot Thể : « Ông Thể. Kính thưa Đức cha, cách đây 4 hôm, con đã nhận được hai lá thư tháng Ba và tháng Năm của Đức cha. Từ lúc con bị bắt, mỗi ngày con đều sẵn sàng viết cho Đức cha thật dài, mà chẳng thể được, bởi vì con luôn bị canh giữ, trông chừng sát bên, chẳng khi nào được ở một mình, rồi con cũng chẳng có giấy... Con được vui và được an ủi vì thấy mọi người của con đều mạnh mẽ, can đảm, vững vàng và không thể lay chuyển được, tất cả đều nhất quyết chịu chết. Đức cha hẳn đã biết rằng nay họ gồm 7 người, là thày Hoà, chị Hậu, thày Phê, Vững, bị bắt cùng với con ; sau đó người ta bắt ông

» không có trong tiếng Hán, tiếng nôm và tiếng quốc ngữ chính danh của người Việt Nam. Từ này là từ lai lai Tây phương.

¹⁷ Amep., tập 749, trang 622-623, (Tài liệu số 3).

¹⁸ Tài liệu số 1.

xã Duyên và ông xã Trang người Nhu Lý và một ông người An Do. Con chưa biết nhiều về ông bị bắt sau này, nhưng cũng là một chuyện ấy thôi ; ông ta cũng vững lòng không chịu quá khóa. Con tin rằng hai phụ nữ là những người cứng rắn nhất. Tất cả chúng con hiện ở Huế, trong nhà giam Trần Phủ. Nhà giam này chia ra làm 3 khu : thày Hoà, ông xã Duyên và chị Hậu ở khu đông ; thày Phê, ông xã Trang và Vững ở khu giữa ; con ở khu tây và người ta để ông người An Do với con... »¹⁹

Giam cầm và chịu tra tấn :

Đây là tên tuổi và số phận những người được cha đáng kính Delamotte Y nhắc đến trong lá thư trên của ngài : 5 người bị bắt trong thuyền là cha Delamotte Y, thày Hoà, thày Phê, chị Vững và chị Hậu ; và 3 người bị bắt sau đó là ông Duyên, ông Trang và ông Luật.²⁰

- 1, Cha Delamotte : Gilles-Joseph-Louis Delamotte (tên Việt : Y) (tên trong cáo trạng là Đê-La-Mót hoặc Đề-La-Miệt), sinh năm 1799, chịu chức linh mục năm 1825, sang Việt Nam năm 1831, chết trong tù Trần Phủ ngày 03/10/1840, được tôn lên là Đẳng Đáng Kính năm 1857.
- 2, Thày Hoà : lương y Phan Đắc Hoà, thánh hiệu Simon (cũng có chỗ gọi Emmanuel), người Nhu Lý, sinh năm Bính Thân 1776, bị xử chém đầu tháng 12 năm 1840, được phong hiển thánh năm 1988.
- 3, Thày Phê : tên giấy tờ là Trần Văn Truật, thánh hiệu Philipphe Grêgôriô, sinh quán tại làng An Ninh năm Kỉ Mùi 1799, hành nghề lang y. Bị kết án tử hình.
- 4, Chị Vững : Maria Trần Thị Vững, sinh quán tại làng An Ninh năm Đinh Mão 1807, goá chồng. Bị án lưu đày cùng chị Hậu nhưng sau nhờ giáo hữu giúp đỡ, đã trốn về quê cũ, rồi ra trình diện quan ; nhờ tiền đút lót quan, chị được bình yên sau đó.
- 5, Chị Hậu.
- 6, Ông xã Duyên : Phêrô Nguyễn Công Duyên bị quan đầu tỉnh Quảng Trị là Nguyễn Huy Chuẩn bắt giam trong vụ cha đáng kính Delamotte và nhóm tùy tùng. Sinh quán tại Nhu Lý năm Nhâm Dần 1782, được đề cử làm xã trưởng Nhu Lý từ năm 1830. Bị kết án tử hình.
- 7, Ông xã Trang : Gioan Baotixita Trang tên trên giấy tờ là Nguyễn Công Nghiêm, người Nhu Lý, sinh năm Đinh Dậu 1777, bị bắt thay chỗ của con trai là chú Điền. Chú Điền là người Nhà Đức Chúa Trời, vốn theo giúp việc thư ký cho cha đáng kính Delamotte Y và đã trốn thoát đi. Ông Gioan Baotixita Trang sau chết trong tù Trần Phủ.
- 8, Người An Do : thường gọi tên là Vincente Luật, tên giấy tờ là Nguyễn Viết Tốt, sinh năm Tân Sửu 1781. Ông thuộc làng An Do. Bị kết án tử hình.

Ngoài ra, còn một người khác cũng bị quan tỉnh Quảng Trị bắt lên hỏi cung là bà Phan Thị Khiêm, tức « mụ Khiêm », là bà bề trên nhà dòng Mến Thánh Giá lúc đó tại Nhu Lý. Theo lời khai, bà sinh năm Mậu Thìn 1748 và là cô của Thánh Phan Đắc Hoà. Vì đã già cả (93 tuổi theo âm lịch), bà được tha về Nhu Lý sau đó.

Chị Hậu bị đưa về nhà tù Trần Phủ tại Huế, vào khu phía đông, cùng với Thầy Hoà và Ông xã Duyên.

¹⁹ Amep., tập 749, trang 615, (Tài liệu số 2).

²⁰ Viết theo Amep., tập 748 và 749, (Tài liệu số 5, số 7 và số 14).

Các quan cho dẫn những tù nhân Hoà, Truật, Nghiêm, Duyên, Luật, Vững và Hậu ra nhiều lần dạy quá khoá, tức nhục đạp Thánh Giá Chúa dưới chân ; nhưng tất cả đều một lòng trả lời họ là những kẻ có đạo, thà phải chịu cực hình nhiều hơn nữa còn hơn là dây đạp Thánh Giá Chúa.

Trong thời kỳ tạm giam tại Quảng Trị, chị Hậu không hề bị tra tấn đánh đập ; nhưng tại Trấn Phủ, chị bị đưa ra tra khảo và chịu đánh 5 đòn. Hôm sau, quan đem chị ra bắt chịu cực hình « trùn rúc ». Đây là một kiểu tra tấn tù nhân rất dã man : lính trói hai chân của tù nhân lại, để đứng trong một chậu nước vo gạo lớn (hoặc nước gạo già nhỏ) trong đó lính đã thả sẵn nhiều trùn đất (vers de terre). Những con trùn đất này sẽ bám ngay vào hai chân tù nhân, tìm xâu xé và nhất là chui vào da thịt tù nhân cho đến tận xương cốt. Người chịu cực hình này sẽ đau đớn không sao tả xiết.

Chị nữ tu Hậu sau khi phải chịu cực hình ấy, lại còn bị quan bắt quỳ trên một tấm gỗ có đinh nhọn nữa. Tuy nhiên, chị vẫn một mực kiên trung trong đức tin. Lòng can đảm của chị đã làm cho nhiều kẻ ngoại giáo phải thán phục.²¹

Cha đáng kính Delamotte Y còn cho biết thêm là quan sai lính lên núi tìm rắn đem về hành hạ hai nữ tu nhân Maria Vững và Maria Mađalêna Hậu. Nhưng lính trở về tay không, hoặc vì không tìm thấy rắn hoặc vì không muốn bắt rắn đem về như ý ác độc quan đòi. Hành hạ tù nhân nữ theo lối này là bó ống quần tù nhân lại, rồi thả rắn vào trong mặc cho rắn làm gì thì làm. Mục đích của quan quân là không để nữ tù nhân phải chết vì rắn, nhưng làm cho họ sợ hãi khiếp vía lên mà khai thú như quan mong chờ.²²

Khi bị tù tại Trấn Phủ, cha đáng kính Delamotte Y rất cơ cực, phần vì cảnh tù đầy, phần vì vết trọng thương trên đầu do bị người ta đánh lúc ngài chạy trốn, phần thêm bệnh hoạn nữa. Thánh Hoà lo đút lót, giàn xếp với cai tù mà đề nghị với ngài là cho chị Hậu được làm bếp nước, lo cho ngài ăn uống. Cha đáng kính Delamotte Y đã viết mấy chữ trả lời Thánh Hoà. Lá thư nhỏ này, lọt được ra ngoài sau đó, đã trở nên một đối tượng cho bao người thán phục trong lịch sử :

« *Người thông dịch đã nói với tôi về ý định của thày liệu làm bữa ăn cho tôi. Nếu chuyện xảy ra vậy thì chắc chắn là tôi sẽ thấy khá hơn nhiều lắm ; nhưng tôi không có đồng ý chuyện này đâu, tại vì những kẻ ngoại giáo, mà thày cũng rõ như tôi, thích tạo những chuyện xấu xa về các thày đạo trưởng và các nữ tu. Có lẽ, mỗi ngày thày vẫn nghe những chuyện ấy như tôi nghe bên này vậy. Do đó, tôi không muốn dì Hậu giây đưa vào mà nấu nướng cho tôi ăn. Nếu một ai khác nấu cơm cho tôi, người ta cũng lấy đó làm cớ mà nói ngang nói dọc ; và sự này có thể khiến chính thày và khiến kẻ khác phải chịu mọi thử khốn nạn và có thể phải chịu chết vì tôi nữa. Bởi vậy, tôi thà chịu đau khổ như tôi đã chịu đến bây giờ hơn là gây cớ cho ai vì tôi* ».²³

Tuy chẳng có sử liệu nào nói rõ, nhưng chắc chắn là chị Hậu sẽ rất sẵn sàng làm bếp nước, lo liệu bữa ăn và săn sóc cho cha đáng kính Delamotte trong nơi tù ngục, như những ngày xưa tại Nhu Lý vậy. Bởi vì ngài chẳng muốn, nên Thánh Hoà không dám sai chị sang khu tây của ngục Trấn Phủ mà giúp đỡ ngài. Cùng trong một tù ngục, nhưng ở khu phía đông, vào những ngày mùa thu năm đó, tâm hồn chị đã đau khổ khôn xiết và chắc chị đã khóc cạn nước mắt, khi hay tin người cha và người thày của chị không còn ở trần gian này

²¹ Theo lời Đức cha Cuenot Thê : Tài liệu số 18.

²² Theo lời cha Delamotte Y và Đức cha Cuenot Thê : Tài liệu số 2 và số 18.

²³ Tài liệu số 18. Lá thư này được xuất bản trong cuốn sách của A.Launay : « Les cinquante-deux serviteurs de Dieu... », tập 2, Téqui, Paris, 1893.

nữa. Ngài đã từ trần tại nơi giam cầm, chỉ ba hôm thôi sau khi ông Gioan Baotixita Trang qua đời. Cái chết của cha đáng kính Delamotte Y ngày 03/10/1840 hẳn đã gây nên một nỗi đau đớn rất lớn trong lòng chị Hậu. Chị đã được gần gũi ngài, lo phục vụ ngài và nhất là đã được ngài hướng dẫn bảo ban suốt gần mươi năm trời qua, từ ngày ngài đến Nhu Lý tới giờ. Tuy nhiên, cái chết của ngài cũng còn là một gương sáng và một động lực mạnh mẽ giúp chị thêm kiên cường trong cơn thử thách. Đối với chị Hậu, cha đáng kính Delamotte Y, quả thực, đã là người mà Thiên Chúa sai đến để làm chị trưởng thành hơn trong ơn gọi tu trì và ơn phúc tử đạo.

Hơn hai tháng sau đó, ngày 12 tháng Chạp năm 1840, Thánh Phan Đắc Hoà bị đưa ra khỏi nhà tù mà đi chịu chết chém đầu, tử vì đạo. Hắn chị Hậu cũng một lòng ao ước như thế. Quan đã ngạc nhiên trước lòng kiên trì và hiên ngang của người nữ tu trẻ tuổi này :

« - *Kỳ lạ ! quan nói, thị này đã thấy cái chết kề bên cạnh mà thị không sợ hãi !* »

« - *Quan có chém tôi ra làm ba, chị trả lời, tôi cũng chẳng hề sợ.* »

(« Quoi ! disait le mandarin, elle a vu la mort de si près, et elle n'est pas intimidée ! – Vous me couperiez en trois, répondit-elle, que je n'aurais pas peur »).

Quan nói sẽ tha cho chị nếu chị chờ đợi Thánh Giá dưới chân. Chị cao giọng trả lời quan :

« *Tôi xin các quan cứ chặt tôi ra làm ba, tôi sẽ sẵn lòng vui chịu ; nhưng đợi Thánh Giá dưới chân, thì tôi sẽ không bao giờ ưng chịu cả.* » (« Je prie les mandarins de me couper en trois morceaux, j'y consentis volontiers ; mais pour fouler aux pieds le crucifix, je n'y consentirai jamais »).²⁴

Đó là một lời duy nhất mà lịch sử ghi lại được từ miệng chị Hậu. Đây là lời thực quý giá, vì là lời anh hùng của nữ tu tử đạo dòng Mến Thánh Giá. Và qua đó, chúng ta còn có thể nhận định ra được một phần nào ơn phúc đức tin mà Thiên Chúa đã ban cho chị.

Lưu đày và tử trần :

Ngày 11 tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 21, tức đầu tháng 12 năm 1840 dương lịch, các quan Bộ Hình dâng án lên vua, trong đó về phần chị Hậu và bà goá Vững cùng bà bồ trên Khiêm, án ghi : « *Về phần các người đàn bà Hậu và Vững, đây chỉ là những mụ đàn bà không trí thông minh, các thần yêu cầu họ phải bị đưa đi đày, một người ở Trạch Nguyên và một người ở Thượng Lão, mà làm nô tỳ ở đó. Còn về mụ già Khiêm, đã tiếp đón và che ẩn tên Đê La Miệt trong nhà mình, mụ đáng phải chịu xử lý về phần mụ ; nhưng một phần, mụ đàn bà này đã ngoài 90 tuổi ; phần khác, mụ chỉ làm như vậy theo ý của tên Hoà cháo mình. Vậy các thần xin rằng lối mụ ta đã phạm khong bị xét xử triệt để.* »²⁵

(Các quan Bộ Hình đã đề án chị Hậu như vậy. Đây là những quan lại đã nhận tiền hối lộ và nhất là đã dối trá nhà vua. Không hiểu những kẻ như vậy, theo luật lệ thời đó, chính bản thân họ sẽ bị xét xử như thế nào).

Hai hôm sau, tức ngày 13 âm lịch cùng tháng, các thượng quan trong Nội Các triều đình phê án do Bộ Hình tấu lên, án được vua Minh Mệnh chuẩn y. Thánh Phan Đắc Hoà bị xử chém đầu ngay sau đó ; ba ông Phêrô Duyên, Philippe Truật và Vincente Luật sẽ bị xử

²⁴ Theo tường thuật của Đức cha Cuenot Thé (Tài liệu số 19) và tường thuật của các thừa sai đăng trên báo « Annales de la Propagation de la Foi », số 16, năm 1844, (Tài liệu số 9).

²⁵ Amep., tập 748, trang 1370-1388, (Tài liệu số 7).

chém sau một thời gian nầm tù (xử trảm giam hụt). Tuy nhiên, một cách hơi kỳ lạ, trong tờ phê án của Nội Các (lưu giữ được), không thấy nêu ra tên chị Hậu và bà Vững.²⁶

Chị Hậu và bà goá Vững, như vừa trình bày ở trên, bị án « đi đày, một người ở Trạch Nguyên và một người ở Thượng Lão, mà làm nô tỳ (hay nô lệ) ở đó ». Thân phận nô tỳ là cảnh nhiều nguy hiểm cho đời sống người có đạo, do đó các giáo hữu lúc ấy đã lo toan chạy chọt, đút lót các quan xin đổi án « đày đi làm nô tỳ » thành án « đi đày » mà thôi.

Ngày 28 tháng Chạp năm 1840, hai nữ tù nhân can đảm trên bị đưa đến chốn lưu đày. Nơi này, theo lời Đức cha Lefebvre Ngãi, gọi là Đồn Điện, « vùng núi non », « một nơi mà nước thì xấu, khí trời thì độc, khiến những ai sống ở đó một thời gian thì sẽ xuống mồ ngay ».²⁷ Nhưng may thay, ông quan trông coi nơi này lại là người Công giáo. Đức cha Cuenot Thể trong thư gửi về Thánh bộ Truyền Giáo ngày 22/12/1842 cho biết thêm là ông quan có đạo ấy, mấy hôm sau, đã cho dẫn chị Hậu cùng bà Vững về một làng người Công giáo quen gọi là Đá Hàn, vào ngày 02/1/1841. Giáo hữu Đá Hàn đem hai người về Phủ Cam, cạnh kinh đô.²⁸

Chị Hậu và bà Vững chỉ sống tại nơi bị phát lưu tối đa là 5 ngày trời.

Về Phủ Cam, chị Hậu được tiếp đón trong nhà các nữ tu Mến Thánh Giá tại đây. « Tuy nhiên, Maria Mađalêna Hậu đã mang trong người mình chất độc hại sẽ làm cho chị phải chết. Lui ẩn vào một căn nhà Công giáo, chị liền bị đau đớn quằn quại trong bụng dạ và một cơn bệnh hiểm nghèo khiến phải lo sợ cho tính mạng của chị. Chị đã nhận lãnh các bí tích cuối cùng với tâm tình sốt mến và đạo đức khiến tất cả mọi người chứng kiến phải khâm phục. Sau cùng, vào tháng Giêng vừa qua, chị đã đưa linh hồn mình về với Chúa và xứng đáng lên trời lãnh nhận triều thiên dành cho những kiệt sĩ anh hùng đức tin ».

Đó là chứng từ của Đức cha Lefebvre Ngãi trong lá thư ngài viết về Chủng Viện Hội Thừa Sai Paris ngày 25/5/1841, bốn tháng sau khi chị Hậu qua đời.²⁹

Nữ tu tử đạo :

Chị Hậu qua đời lúc 27 tuổi (1814-1841) tại cộng đoàn nữ tu Phủ Cam, Huế, ngày 29 tháng Giêng năm 1841 (theo các thư từ của Đức cha Cuenot Thể). Chị được các sử gia sau này coi như nữ tu dòng Mến Thánh Giá « đầu tiên » chịu tử vì đạo.³⁰

Còn về nhận định và ý kiến của những người đồng thời với chị vào những năm 1841-1844, tôi chỉ xin nêu ra nơi đây, sau một chứng nhận mà tôi gọi là « chứng nhân vô danh », 3 vị giám mục là Đức cha Cuenot Thể, Đức cha Lefebvre Ngãi và Đức cha Retord Liêu mà thôi.

1. « Chứng nhân vô danh » :

Báo « Annales de la Propagation de la Foi », xuất bản tại Lyon (Pháp), là tờ báo thông tin rộng rãi khắp Âu Châu lúc đó về hiện tình công cuộc truyền giáo trên thế giới, qua các thư từ và tin tức do chính các thừa sai gửi về. Năm 1844, số 16, tờ báo này dàn ra 10 trang (trang 51-trang 60) để trích đăng một số thư do các linh mục Hội Thừa Sai Paris gửi về liên

²⁶ Amep., tập 749.17, trang 590-591, (Tài liệu số 6).

²⁷ Tài liệu số 8 và số 13.

²⁸ Amep., tập 749, trang 813-815, (Tài liệu số 13).

²⁹ Amep., tập 749, trang 39-40, (Tài liệu số 8).

³⁰ « Đầu tiên » hay không thì thực là chưa thể quả quyết được. Các tài liệu đương thời không hề dùng chữ « đầu tiên » này. Hơn nữa, nếu không lầm, chưa hề có ai viết lịch sử dòng Mến Thánh Giá tại Việt Nam hầu giúp chúng ta hiểu những chuyện của các nữ tu Việt Nam này cả.

quan tới vụ Nhu Lý (« Extrait de quelques lettres écrites par plusieurs Prêtres de la Société des Missions-Etrangères. Tong-King occidental, 1841-1842 »).

Bài báo này đã gợi lên cho các độc giả một cái nhìn về cuộc tử đạo của nữ tu Hậu như sau :

« Vào ngày 12 tháng 12 năm 1840 này, người ta dẫn Simon Hoà đến nơi tử hình... Mấy hôm sau đó, Maria Mađalêna ra đi về nơi phát lưu, với Maria Vững, người bạn vinh hiển của chị. Lòng bác ái của các giáo hữu chúng ta đã theo các chị tới tận nơi ấy và đã tìm được cách kéo hai chị ra khỏi cảnh nô tỳ và để các chị vào nơi an toàn. Sự dịu dàng ấy lại đến quá trễ cho chị Mađalêna mà một năm trời chịu tra tấn và tù dày đã làm kiệt quệ khí huyết ; chẳng bao lâu thì chị rơi vào một tình trạng tuyệt vọng ; sau mười ngày đau ốm, được nâng đỡ bằng các bí tích sau cùng của Hội Thánh, chị trả linh hồn mình cho Chúa, ngày 30 tháng Giêng năm 1841, và tới đón nhận triều thiên nhờ lòng sốt mến và nhiệt thành của mình.

« Dù sự hy sinh của chị đã không hoàn tất bằng lưỡi gươm, chị thật xứng đáng được kể vào số những vị tử đạo sáng chói nhất của Giáo Hội An Nam (Quoique son sacrifice n'ait pas été consommé par le glaive, elle mérite d'être comptée parmi les plus illustres martyrs de l'Eglise annamite) ».³¹

Tôi không biết được thửa sai nào đã viết những dòng trên, chỉ biết rằng bài báo đã gây tiếng vang rộng rãi lúc đó tại Pháp và tại Âu Châu Công giáo.

2. Đức cha Cuenot Thê :

Đức cha Cuenot Thê là chứng nhân mà tôi xin trình bày đầu tiên nơi đây giữa ba giám mục đã nêu tên, vì ngài là giám mục địa phận của chị Hậu, tức giám quản tông tòa giáo phận Đàng Trong lúc bấy giờ. Giáo phận này, vào đầu năm 1841, còn chạy dài từ Quảng Bình phía Bắc xuống tới miền Cà Mâu bấy giờ, cộng thêm cả xứ Cam Bốt nữa. Mặt khác, ngài là giám mục đã lập hồ sơ xin Thánh Bộ Truyền Giáo và Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XVI cứu xét trường hợp tử đạo của chị Hậu.

(Chính ngài, vị giám mục khả kính này, được phúc tử đạo vào năm 1861 thời vua Tự Đức và được Giáo Hội phong hiển thánh năm 1988).

Trong phần « Tài liệu căn bản », tôi đã trưng dẫn một số lớn những văn bản của Đức cha Cuenot Thê thiết lập đầu năm 1843 để gửi về Roma : « Tài liệu số 11, 12, 13, 14, 15 và 16 ».

Trong thư viết đến Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XVI ngày 12/1/1843, Đức cha không nêu rõ tên chị Hậu, chỉ tỏ lòng ước mong Toà Thánh tuyên phong Thánh Tử Đạo những vị đã tuyên xưng đức tin bằng máu đào của mình tại giáo phận Đàng Trong lúc bấy giờ.³²

Còn trong hồ sơ gửi về Thánh Bộ Truyền Giáo, Đức cha Cuenot Thê phân biệt thành 3 hạng các vị anh hùng tuyên xưng đức tin, là : thứ nhất, các vị trực tiếp chịu chết vì đạo ; thứ hai, các vị chết trong tù vì đức tin ; thứ ba, các vị bị chết vì những cực hình đã chịu. Chị Hậu thuộc hạng 3 trong các vị anh hùng tuyên xưng đức tin. Ngài viết :³³

« ... Việc tuyên phong hiển thánh cho các đấng (tử đạo) ấy sẽ là một cách trừng phạt nặng nề đối với các kẻ đã chối đạo, đem lại can đảm một cách rất hiệu quả cho những tâm hồn bị thương tổn và khơi dậy một cách mạnh mẽ đức tin cho tất cả. Cũng vì một lý do như vậy,

³¹ Tài liệu số 9.

³² Amep., tập 749, trang 819-821, (Tài liệu số 15).

³³ Amep., tập 749, trang 822-827, (Tài liệu số 16).

chúng con ước ao rằng người trinh nữ can đảm Maria Mađalêna Hậu có thể được xem như vị tử đạo của Chúa Kitô và cũng đem lại một gương sáng cho toàn thể giáo phận... »

Khi viết cho các linh mục phụ trách Chủng Viện Hội Thừa sai Paris, Đức cha Cuenot Thể nói : « Maria Mađalêna Hậu và Maria Vững, cả hai bị kết án lưu đày vì nhất quyết từ chối quá khoá, hai chị bị dẫn đi vào cuối tháng Chạp năm 1840. Nhưng gặp được quan cai trị chỗ hai chị phải đi đày là một người Công giáo, ông ta cho hai chị tù nhân về nhà ông ta. Và liên kết với các tín hữu khác, sau khi hai chị trải qua một hay hai ngày ở chốn lưu đày, ông cho lén dẫn hai chị về giáo xứ Phủ Cam, ngay gần cạnh kinh thành. Và hai chị lui ẩn vào nhà vài nữ tu đang sống cộng đoàn với nhau. Nhưng gần như liền sau đó, Maria Mađalêna Hậu ngã bệnh ở đấy ; sau mười ngày đau ốm, chị an nghỉ trong Chúa và ra đi lãnh nhận phần thưởng nhờ lòng kiên trì không thể lay chuyển được của chị. Thực tình mà nói thì chị đã không chết trên trận chiến, nhưng có đủ cớ để tin rằng căn bệnh và cái chết của chị là do bởi thời gian dài tù đày và tra tấn hành hạ mà người ta đã bắt chị phải chịu gây nên. Chị chết ngày 29 tháng Giêng năm 1841. »³⁴

Đó là điều Đức cha Cuenot Thể đã viết trong thư ngày 07/1/1842.

Gần hai năm sau, khi suy nghĩ về chuyện chị Hậu, ngài viết về Paris ngày 12/10/1843 rằng : « Trong biến cố ấy, có nhiều nét đối với tôi có vẻ đáng được ghi nhận : người nữ tu trẻ ấy, từ thuở tám bé, đã sống trong một ngôi nhà thanh tịnh (une maison de retraite), có thể chẳng hề bao giờ trông thấy được một thanh gươm. Thế nhưng, giữa rừng gươm đao và giữa cả cơ đội binh hình cùng đứng trước một đoàn lũ rợp những người với người, chị xin được phân thây thành mảnh vụn hơn là chối đạo mà được ân xá. Chắc chắn là chị đáng được lưu ý tới. »³⁵

Rồi mãi một năm sau nữa, tức hơn 3 năm sau khi chị Hậu từ trần, Đức cha Cuenot Thể còn nói thêm : « Bản án ấy cũng nói đến lòng kiên trì của chị Maria Mađalêna Hậu dưới tên Nguyễn Thị Hậu và kết án chị vì tội từ chối không chịu quá khoá phải làm nô tỳ và phải lưu đày. Chị đã chịu hình phạt như tôi đã tường thuật nơi khác và chị từ trần vì những sự hành hạ, tra tấn, cực hình và những đau đớn đã chịu như tôi đã kể trong những lá thư trước đây. »³⁶

(Nếu không lầm, từ ngày đó đến nay, sau Thánh giám mục Cuenot Thể, không thấy vị giám mục địa phận Qui Nhơn hay địa phận Huế nào đã tái khấn xin Tòa Thánh xét trường hợp tử đạo của chị Hậu).

3. Đức cha Lefebvre Ngãi :

Khi chị Hậu bị bắt cùng với cha đáng kính Delamotte Y, cũng như khi chị qua đời, Đức cha Lefebvre Ngãi vẫn còn là một linh mục thừa sai. Ngài được Toà Thánh chọn làm giám mục phụ tá cho Đức cha Cuenot Thể và được tấn phong tại Gò Thị (Qui Nhơn) ngày 01/8/1841. Khi Toà Thánh chia giáo phận Đàng Trong thành 2 vào năm 1844 : giáo phận Tây Đàng Trong (Sài Gòn) và Đông Đàng Trong (Qui Nhơn), ngài trở nên giám quản tông tòa đầu tiên của giáo phận Tây Đàng Trong.

Ngài đã phúc trình nhiều chuyện liên quan tới vụ án cha đáng kính Delamotte Y và nhóm tín hữu liên hệ, đặc biệt đã thu thập, dịch thuật và chú giải toàn bộ những văn bản chính thức của triều đình vua Minh Mệnh về vụ án.³⁷

³⁴ Amep., tập 749, trang 282-283, (Tài liệu số 10).

³⁵ Amep., tập 749, trang 902-905, (Tài liệu số 19).

³⁶ Amep., tập 749, trang 995, (Tài liệu số 20).

³⁷ Amep., tập 748, trang 1370-1388, (Tài liệu số 7).

Ngài là người đã nhận định rằng : « Chị Hậu xứng đáng lên trời lãnh nhận triều thiên dành cho những kiệt sĩ anh hùng đức tin », như đã trình bày ở trước. Ngài còn cho biết thêm : « Đó là một phụ nữ trẻ 27 tuổi, được nuôi dạy từ tuổi thơ trong một nhà các nữ tu, nơi đó chị đã được diêm phúc lãnh nhận những mầm mống nhân đức và một lòng đạo đức vững vàng nên sinh ra được những hoa quả rất đỗi tốt lành như vậy ».³⁸

4. Đức cha Retord Liêu :

Ngài là giám quản tông toà ngoài miền Bắc, giáo phận Tây Đàng Ngoài.

Với những tin tức nhận được, ngài viết trong một lá thư gửi cho cha xứ họ đạo Salles, giáo phận Lyon, là bạn của ngài, rằng : « Tại Đàng Ngoài, ngày 10/2/1843. Thăm cha và bạn rất quí mến, ... Trong các nhà tù ở vương quốc này, còn có 27 anh hùng đức tin, cả người Âu lân người bản xứ. Nhưng, cha sẽ bảo tôi, còn những vị tử đạo ! Chẳng lẽ vị vua mới (tức vua Thiệu Trị) không hề làm chi từ khi ông lên ngôi sao ? Thưa, vua đã làm rồi, nhưng mới còn chút ít thôi. Trong số này là một nữ tu thuộc Đàng Trong, gọi tên là chị Hậu, bị bắt cùng với cha Delamotte, và bị án phát lưu vì đức tin : chị đã chết vào tháng Tư hoặc tháng Năm năm 1841, và có thể, theo tôi nghĩ, được coi như vị tử đạo... ».³⁹

Lời của Đức cha Retord Liêu được nhiều tác giả sau này nhắc lại chỉ vì lá thư của ngài đã được phổ biến rộng rãi qua tờ báo « Annales de la Propagation de la Foi, số 16, năm 1844 ». Chứ thực ra, ngài không thể nắm vững các sự kiện về chuyện chị Hậu bằng Đức cha Cuenot Thê và Đức cha Lefebvre Ngãi được. Chính ngài cũng đã không biết rõ là chị Hậu từ trần vào lúc nào nên mới nói « chị đã chết vào tháng Tư hoặc tháng Năm năm 1841 ». Tuy nhiên, phán đoán của ngài, phán đoán của một giám mục, hoàn toàn phù hợp với phán đoán của Đức cha Cuenot Thê và Đức cha Lefebvre Ngãi : « Chị Hậu có thể, theo tôi nghĩ, được coi như vị tử đạo ».

Kết

Chị T. kính mến,

Từ nhiều năm trước, tôi đã ý thức được rằng « dòng Mến Thánh Giá, do Đức cha Lambert de la Motte thành lập, là ân huệ mà Thiên Chúa ban riêng cho quê hương Việt Nam ». Tôi đã viết như thế trong tập « Mến Thánh Giá thế kỷ 17. Thành lập và tổ chức », năm 1998.

Chuyện chị Hậu được kể ở đây chứng minh thêm điều ấy.

Sau chị Hậu, dòng Mến Thánh Giá còn dâng hiến cho Việt Nam rất nhiều chứng nhân Tin Mừng nữa. Trong số ấy, người ta thường biết nhiều hơn về 2 nữ tu tử đạo tại Phan Rí vào những năm 1861-1862 dưới triều vua Tự Đức, nhờ các bài viết đăng trên báo chí của cha Eugène Durand.⁴⁰

³⁸ Amep., tập 749, trang 39-40, (Tài liệu số 8).

³⁹ Tài liệu số 17.

⁴⁰ Linh mục Eugène DURAND (1840-1904), thuộc Hội Thừa Sai Paris, sang làm việc trong địa phận Qui Nhơn, bút hiệu là « Jean d'Annam ». Về Mến Thánh Giá, ngài có các bài :

- « Les martyrs du Binh-Thuân », trong báo « Annales de la Société des Missions Etrangères », Paris, 1929, trang 89-105.

Thiên Chúa yêu thương các nữ tu Mến Thánh Giá, ban cho họ được ơn rất trọng là được yêu mến Ngài bằng trọn cuộc sống mình. Các cộng đoàn Mến Thánh Giá, như cộng đoàn Nhu Lý ngày xưa, sẽ là nơi biết đón nhận và phát huy ơn Thiên Chúa ban cho mỗi phần tử của cộng đoàn mình. Vì, mỗi nữ tu Mến Thánh Giá đích thực đều có trong mình một ơn « Maria Madalena Hậu » là được trung thành yêu mến Chúa đến cùng, bằng phúc tử đạo hoặc bằng đời tận hiến với ba lời khuyên Phúc Âm là vâng lời, khó nghèo và khiết tịnh.

Tại Toulouse, mùa hè 2000.

Đào Quang Toản

-
- « Les Amantes de la Croix », trong báo « Revue d'Histoire des missions, tome 7 », Paris, 1930, trang 384-404.
 - « Les Amantes de la Croix en Indochine », trong báo « Les Missions Catholiques », Lyon, 1931, trang 424-426.

Về chuyện tử đạo của nữ tu Anê Soan (Qui Nhơn) và nữ tu Anna Tri (Phan Rang) tại Phan Rí, tài liệu căn bản là bức thư của cha Phanxicô Xaviê Van Camelbeke (sau nêu giám mục Qui Nhơn, Đức cha Hân, +1901 tại Làng Sông) gửi Đức cha Charbonnier cuối năm 1865, lưu trữ trong Amep., tập 750, tài liệu số 167.